

**TANDTP. PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

---*---

-----***-----

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15/01/2021

V/v tranh chấp: “Ly hôn,

Tranh chấp việc nuôi con chung ”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Xuân – Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kiều Thu.

2. Ông Đỗ Văn Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Kiểm sát viên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Biện Anh Huy – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 468/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp việc nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 490/2020/QĐST- HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 528 ngày 29/12/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị Bích N, sinh năm 1990. *Có mặt.*

Địa chỉ: Khu phố 02, thị trấn D T, huyện D T, tỉnh B D.

Bị đơn: Ông Trần Đào Ngọc Đ, sinh năm: 1991. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Khu phố 06, phường P T, thành phố P T, tỉnh B T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Vũ Thị Bích N trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Đào Ngọc Đ tự nguyện tìm hiểu yêu thương và tổ chức cưới, đăng ký kết hôn hợp pháp theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 144, ngày 01/11/2016 của UBND phường Phú Thủy, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận;

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây ông Được có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và còn bạo hành, nhiều lần bà can ngăn nhưng không thay đổi, cải thiện được tình cảm vợ chồng. Vợ chồng ngày càng

mâu thuẫn, không còn tình cảm, do vậy bà yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Đào Ngọc Đ

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên: Trần Vũ Đăng K (nam), sinh ngày 16/11/2016, Trần Vũ Đăng K (nam), sinh ngày 25/3/2018, và Trần Vũ Như X (nữ), sinh ngày 11/4/2019. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, bà N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Trần Vũ Đăng K và Trần Vũ Như X, bà yêu cầu ông Đ phải trợ cấp nuôi con chung K và X mỗi con là 1, 5 triệu đồng /tháng /1con chung , riêng cháu Trần Vũ Đăng K bà đề nghị giao cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng , bà không phải trợ cấp nuôi con chung là cháu K .

Về tài sản chung: Bà khai không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà khai không có nợ chung.

Về án phí: Bà khai sẽ chịu án phí theo quy định pháp luật.

***Ý kiến Bị đơn – ông Trần Đào Ngọc Đ :** *Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/10/2020 của Tòa án thành phố Phan Thiết, ông Đ xác định vợ chồng ông bà chung sống và đăng ký kết hôn từ năm 2016, quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc thường xuyên cãi vã do bất đồng trong chi tiêu, tài chính kinh tế gia đình, bà Ngọc đã tự ý bỏ gia đình sống ly thân với ông trước khi gửi đơn ly hôn khoảng hai tháng. Nay ông xác định mâu thuẫn vợ chồng ông là trầm trọng , khó có thể hòa giải đoàn tụ, do vậy bà N làm đơn ly hôn, ông đồng ý ly hôn.*

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên: Trần Vũ Đăng K (nam), sinh ngày 16/11/2016, Trần Vũ Đăng K (nam), sinh ngày 25/3/2018, và Trần Vũ Như X (nữ), sinh ngày 11/4/2019. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Vũ Đăng K, ông không yêu cầu bà N phải trợ cấp nuôi con chung; Ông đề nghị Tòa án giao hai con chung Trần Vũ Đăng K và Trần Vũ Như X cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông chấp nhận yêu cầu của bà về trợ cấp nuôi con chung K và X mỗi con là 1, 5 triệu đồng /tháng /1con chung x 02 =3.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Ông khai vợ chồng có tài sản chung gồm: một hợp đồng bảo hiểm do cháu K là người thụ hưởng, hai sổ tiết kiệm khoảng 200 triệu đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn – Chi nhánh Nam Phan Thiết, một xe máy hiệu Vespa do ông đứng tên chủ sở hữu; Ông yêu cầu tòa án giải quyết chia số tài sản này, nhưng không nộp đơn yêu cầu và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh tài sản trên là có thật và là tài sản chung vợ chồng.

Về nợ chung: Ông khai không có nợ chung.

***Tòa án đã hai lần tiến hành mở phiên hòa giải nhưng không hòa giải được do vắng mặt bị đơn.**

***Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đề xuất ý kiến về việc giải quyết nội dung vụ án như sau:**

[1] Việc tuân theo thủ tục tố tụng:

-Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự theo quy định tại điều 48 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn mở phiên tòa, tuân thủ đúng việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và đã thực hiện việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng theo quy định Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định về trình tự thủ tục phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và chấp hành, thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đúng quy định pháp luật nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần 02, không có lý do, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

-Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của Nguyên đơn và Bị đơn nhận thấy ông Đ và bà N là vợ chồng hợp pháp, tuy nhiên vợ chồng hiện nay đã không cùng nhau chung sống do mâu thuẫn bất đồng quan điểm, bà N xin ly hôn, ông Đ cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn không còn và đồng ý ly hôn, do vậy đề nghị Tòa án áp dụng Điều 51, Điều 53, khoản 01 điều 56 Luật Hôn nhân Gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho ly hôn;

-Về con chung: Đề nghị giao hai con chung K và X cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn, giao con chung là cháu K cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn, chấp nhận thỏa thuận của bị đơn về việc: Ông Đ phải trợ cấp nuôi con chung K và X mỗi con là 1,5 triệu đồng/tháng /1con chung x 02 = 3.000.000đ/tháng.

-Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khai không có tài sản chung, Bị đơn chưa có đơn yêu cầu và cung cấp tài liệu chứng minh cho vấn đề tài sản chung, do vậy đề nghị Tòa chưa giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có, đề nghị Tòa không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của nguyên đơn, Bị đơn, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

*** Về thủ tục tố tụng:**

[1] Bị đơn ông Trần Đào Ngọc Đ có đăng ký hộ khẩu và thường trú tại khu phố 06, phường P T, thành phố P T, tỉnh Bình Thuận. Do vậy bà Vũ Thị Bích N kiện ly hôn ông, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố Phan Thiết, theo quy định tại khoản 01 điều 28, điểm a khoản 01 điều 35, điểm a khoản 01 điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

[2] Quá trình giải quyết vụ kiện Bị đơn chỉ đến Tòa án nhận thông báo thụ lý vụ án và được Tòa án lấy lời khai, sau đó mặc dù Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt hợp lệ các Thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, và Quyết định hoãn phiên tòa; Nhưng bị đơn lại tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử sơ thẩm vắng mặt bị đơn theo qui định tại các điều 227 và điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

****Về giải quyết nội dung tranh chấp trong vụ kiện:***

[1]*Về quan hệ hôn nhân:* Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Vũ Thị Bích N và ông Trần Đào Ngọc Đ là hợp pháp, vì ông bà có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 144, ngày 01/11/2016 của UBND phường Phú Thủy, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Xét yêu cầu xin ly hôn của Nguyên đơn - bà Vũ Thị Bích N, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo lời khai của nguyên đơn và bị đơn cho thấy: Quá trình chung sống giữa vợ chồng ông bà đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, thực tế hiện nay ông và bà không còn quan hệ vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả ông và bà đều có nguyện vọng được ly hôn, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 01 điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, bà Vũ Thị Bích N được ly hôn với ông Trần Đào Ngọc Đ.

[2]*Về con chung:* Vợ chồng ông bà có 03 con chung tên: Trần Vũ Đăng K (nam), sinh ngày 16/11/2016, Trần Vũ Đăng K (nam), sinh ngày 25/3/2018, và Trần Vũ Như X (nữ), sinh ngày 11/4/2019.

Ông Đ và bà N đều có nguyện vọng về việc giải quyết con chung sau ly hôn, cụ thể như sau: Ông Trần Đào Ngọc Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Vũ Đăng K, ông không yêu cầu bà N phải trợ cấp nuôi con chung; Bà Vũ Thị Bích N trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Trần Vũ Đăng K và Trần Vũ Như X, ông Đ sẽ trợ cấp nuôi con chung K và X mỗi con là 1, 5 triệu đồng /tháng /1con chung x 02 = 3.000.000đ/tháng.

Xét thấy bà N và ông Đ đều có sức khỏe, có khả năng lao động, các con chung là K và X hiện dưới 36 tháng tuổi, do vậy nguyện vọng của nguyên đơn và bị đơn như trên là phù hợp quy định pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích của con chung về mọi mặt, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]Về tài sản chung:

Bà N khai không có tài sản chung, không yêu cầu nên Tòa không xét.

Ông Đ khai có tài sản chung nhưng không thực hiện việc làm đơn yêu cầu, cũng như cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu chia tài sản chung của ông nên không có căn cứ để Tòa án xem xét giải quyết trong cùng vụ án. Ông Đ có quyền khởi kiện giải quyết việc chia tài sản chung bằng một vụ án riêng sau khi ly hôn (Nếu ông Đ có yêu cầu và thực hiện thủ tục khởi kiện theo quy định pháp luật).

[5] *Về nợ chung:* Ông, bà khai không có nợ chung.

[6]***Về án phí:*** Bà Vũ Thị Bích N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, Ông Trần Đào Ngọc Đ phải chịu án phí sơ thẩm không có giá ngạch về trợ cấp nuôi con chung, theo quy định tại khoản 04 điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và các điểm a khoản 5, điểm a khoản 06 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ, bà N đã nộp tại biên lai 0007914 ngày 07/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết sẽ được khấu trừ 300.000đ cho nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình của bà tại bản án.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/Căn cứ: Điều 51, Điều 53, khoản 01 Điều 56, điều 81, điều 82, điều 83, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 02 điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự.

2/ Tuyên xử:

[1]Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Vũ Thị Bích N được ly hôn với ông Trần Đào Ngọc Đ;

[2]Về con chung: Vợ chồng ông bà có 03 con chung tên: Trần Vũ Đăng K (nam), sinh ngày 16/11/2016, Trần Vũ Đăng K (nam), sinh ngày 25/3/2018, và Trần Vũ Như X (nữ), sinh ngày 11/4/2019.

Tuyên buộc bà Vũ Thị Bích N con chung là Trần Vũ Đăng K cho ông Trần Đào Ngọc Đ trực tiếp nuôi dưỡng, sau ly hôn;

Tuyên buộc ông Trần Đào Ngọc Đ hai con chung Trần Vũ Đăng K và Trần Vũ Như X cho bà Vũ Thị Bích N trực tiếp nuôi dưỡng, sau ly hôn;

****Về trợ cấp nuôi con chung sau ly hôn:*** Ông Trần Đào Ngọc Đ trợ cấp cho bà Vũ Thị Bích N để nuôi hai con chung Trần Vũ Đăng K và Trần Vũ Như X mỗi cháu là 1, 5 triệu đồng /tháng /1con chung x 02 =3.000.000đ/tháng, cho đến khi hai cháu K và X đã thành niên và có khả năng lao động.

Ông Đ không yêu cầu bà N phải trợ cấp nuôi con chung Trần Vũ Đăng K.

Ông Trần Đào Ngọc Đ và bà Vũ Thị Bích N đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Không ai được quyền cản trở, gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án thì người thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 01 điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nếu các bên không thỏa thuận được lãi suất thì thực hiện theo quy định tại khoản 02 điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về tài sản chung :

Bà Vũ Thị Bích N khai không có tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ông Trần Đào Ngọc Đ nếu có yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn thì được quyền khởi kiện giải quyết bằng một vụ án riêng (Nếu ông Đ có yêu cầu và thực hiện thủ tục khởi kiện theo quy định pháp luật).

[4] Về nợ chung: Ông, bà khai không có nợ chung.

3/ Về án phí:

-Bà Vũ Thị Bích N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình; Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ, bà N đã nộp tại biên lai 0007914 ngày 07/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết sẽ được khấu trừ 300.000đ cho nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình của bà tại bản án.

- Ông Trần Đào Ngọc Đ phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Quyền kháng cáo của bị đơn là 15 ngày tròn kể từ ngày được niêm yết hoặc tổng đạt bản án.

Nơi nhận :

- Tòa án Tỉnh;
- VKS Tp.Phan Thiết;
- Chi cục THADS TP. Phan Thiết;
- UBND phường PhúThủy;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Như Xuân